

BẢN TIN CHÍNH SÁCH KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NƯỚC

“Nước là cốt lõi của sự phát triển bền vững và là nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội, cho hệ sinh thái khỏe mạnh và cho sự sinh tồn của con người. Nước đóng vai trò quan trọng trong việc giảm gánh nặng về bệnh tật và nâng cao sức khỏe, phúc lợi và năng suất của người dân. Nước cũng là cốt lõi cho sản xuất kinh tế và cho bảo tồn các lợi ích và dịch vụ cho con người. Nước cũng là công cụ chính cho ứng phó biến đổi khí hậu và phục vụ như mối liên kết giữa hệ thống khí hậu, xã hội loài người và môi trường.”

Trích trong tuyên bố của Liên Hiệp Quốc về Thập niên Nước 2005 - 2015





Viện Nghiên cứu Lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội
38 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 080-48583
Fax: 080-48582
Mail: ttkh_vnclp@qh.gov.vn



Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng
Phòng 501, nhà E1, số 6 Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 043 972 8063
Mail: cecr.vn@gmail.com
Website: <http://cecr.vn>

BAN BIÊN TẬP

NGUYỄN NGỌC LÝ (CECR)
ĐINH TIẾN DŨNG (CECR)
ĐINH THU HẰNG (CECR)
ĐẶNG THÙY TRANG (CECR)
TRẦN TUYẾT MAI (Viện NCLP)

ẢNH BÌA



Ống xả thải hai bên bờ sông Ngũ Huyện Khê - Bắc Ninh
Ảnh: Đặng Thùy Trang/CECR

Bản tin được hỗ trợ bởi dự án Chương trình Liên minh
Vận động Chính sách Kiểm soát và Ngăn ngừa Ô
nhiễm nước.
Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: Trung tâm
Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng và Viện Nghiên
cứu Lập Pháp.



MỤC LỤC

Lời mở đầu

- 2 **Mục tiêu phát triển bền vững số 6 và số 14 và kiểm soát ô nhiễm nước**
- 5 **Hiện trạng nguồn nước mặt tại Việt Nam**
 - Các nguồn nước mặt tại Việt Nam
 - Chất lượng nguồn nước mặt tại Việt Nam
- 10 **Nguồn nước sạch – Cốt lõi của ngành kinh tế**
 - Phát triển thủy sản – Cốt lõi là chất lượng nước sạch
 - Hình ảnh du lịch – Sự lệ thuộc vào chất lượng nước
- 14 **Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước**
 - Quy định và thực thi pháp luật về giấy phép xả thải
- 16 **Góc nhìn chuyên gia**
 - Nguồn nước sạch và phát triển bền vững: Vấn đề chính sách – Các ý kiến chuyên gia
- 19 **Cộng đồng và kiểm soát ô nhiễm nước**
- 25 **Cập nhật tin tức**

LỜI GIỚI THIỆU

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,
Quý vị độc giả,

Các sự cố ô nhiễm nước biển miền Trung, và các sông, hồ... những tháng đầu năm 2016 gây thiệt hại nặng nề cho ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch, tàn phá hệ sinh thái, làm tê liệt sinh kế của hàng triệu người dân phụ thuộc trực tiếp và gián tiếp vào các nguồn nước này và là hồi chuông cảnh báo về sự cần thiết, cấp bách kiểm soát các nguồn ô nhiễm thải vào các vùng nước mặt. Các vùng nước mặt bao gồm sông, ngòi, ao, hồ, đất ngập nước, các vùng biển duyên hải tại Việt Nam, nơi có thể trực tiếp hoặc tiềm năng tiếp nhận nước thải và rác thải từ các hoạt động của con người thải ra. Bảo vệ chất lượng nước các vùng nước mặt cũng chính là bảo vệ sự sống còn của nền kinh tế, bảo vệ sinh kế của hàng triệu người dân gắn liền với nguồn lợi thủy sản, dịch vụ du lịch và các dịch vụ khác liên quan đến nước. Do đó kiểm soát ô nhiễm nước phải trở thành ưu tiên hàng đầu trong công tác bảo vệ môi trường.

Nhằm cung cấp thông tin cho các đại biểu Quốc hội trong hoạt động lập pháp, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) phối hợp với Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổng hợp và biên soạn Bản tin Chính sách kiểm soát ô nhiễm nước số 1/2016. Bản tin sẽ cung cấp các thông tin nền tảng nhất cho các đại biểu Quốc hội về lĩnh vực kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm nước tại Việt Nam.

Trong số đầu tiên này, các bài viết của Bản tin đề cập tới các nội dung như sau: Mục tiêu phát triển bền vững SDG 6 và SDG 14 với trọng tâm là kiểm soát ô nhiễm nước; Hiện trạng nguồn nước mặt tại Việt Nam (các nguồn nước, chất lượng nước); Vai trò của nguồn nước đối với các ngành kinh tế đặc biệt là Thủy sản và Du lịch; Phân tích chính sách liên quan tới kiểm soát ô nhiễm nước như hiện trạng cấp giấy phép xả thải tại Việt Nam và các ý kiến của các chuyên gia về lĩnh vực này; Các hoạt động cộng đồng trong bảo vệ nguồn nước; Cập nhật tin tức về tình hình ô nhiễm và các văn bản mới liên quan.

Chúng tôi xin được trân trọng giới thiệu Bản tin Chính sách kiểm soát ô nhiễm nước số 1 năm 2016 tới các vị đại biểu Quốc hội và quý độc giả.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SỐ 6 VÀ SỐ 14

VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NƯỚC

Nguyễn Ngọc Lý
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng



17 Mục tiêu Phát triển bền vững

Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030

Tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hiệp Quốc (LHQ) diễn ra từ ngày 25-27/9/2015, Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của LHQ đã được thông qua với 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) nhằm thay đổi thế giới, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của tích hợp phát triển bền vững trong chính sách phát triển của mỗi quốc gia. Cũng tại Hội nghị này, nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã khẳng định Việt Nam ủng hộ và cam kết sẽ tập trung mọi nguồn lực cần thiết, huy động tất cả các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cộng đồng và người dân để thực hiện thành công Chương trình nghị sự 2030 và tất cả các SDGs. Hiện tại Việt Nam đã bắt đầu xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện các SDGs tới 2030.

Mười bảy SDGs với 169 chỉ tiêu cụ thể từ 2015 - 2030, một mặt về nguyên tắc, mang tính kế thừa của các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ¹ (MDGs) 2000 -2015, mặt khác mang tính chiều sâu và cụ thể hơn. Nếu trong tám MDGs, chỉ có một mục tiêu liên quan trực tiếp tới môi trường là mục tiêu 7: Đảm bảo bền vững về môi trường, thì trong 17 SDGs có tới ba mục tiêu liên quan trực tiếp tới các thành phần môi trường. Đó là các mục tiêu 6, 14 và 15.

- SDG6: Đảm bảo tiếp cận nước và vệ sinh môi trường cho tất cả.
- SDG14: Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển cho sự phát triển bền vững.
- SDG15: Cuộc sống trên mặt đất.

¹ Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ bao gồm: i. Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; ii. Phổ cập giáo dục tiểu học; iii. Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; iv. Giảm tử vong ở trẻ em; v. Tăng cường sức khỏe bà mẹ; vi. Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; vii. Đảm bảo bền vững về môi trường; và viii. Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển.

Hai trong ba mục tiêu này trực tiếp liên quan tới bảo vệ nguồn nước mặt, nước biển trước các chất ô nhiễm và các khía cạnh liên quan. Điều này cho thấy tầm quan trọng cấp bách trong bảo vệ nguồn nước trước việc bị ô nhiễm trầm trọng. Theo Liên Hiệp Quốc, trên 80% nước thải từ các hoạt động của con người thải thẳng vào hệ thống sông ngòi và biển không qua xử lý các chất ô nhiễm. Mỗi ngày, gần 1.000 trẻ em chết do các bệnh liên quan tới các bệnh truyền nhiễm từ nước. Lũ lụt và các thiên tai liên quan tới nước gây ra tới 70% tỷ lệ tử vong do thiên tai.

Trong năm 2015, các sự kiện lớn của thế giới đều đưa vấn đề bảo vệ các nguồn nước khỏi ô nhiễm và quản trị nguồn nước sạch là các vấn đề cốt lõi. Tại cuộc họp Liên minh Nghị viện Thế giới tại Hà Nội 2015, IPU132, chương trình cốt lõi được đưa ra là quản trị nguồn nước. Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2015 diễn ra tại Davos (Thụy Sĩ) đã kết luận “Nước được xếp hạng là rủi ro lớn nhất toàn cầu. Vì hai lý do: 1) sự phụ thuộc cuộc sống vào nước; 2) mức độ ảnh hưởng của thảm họa do nước gây ra”.

Mặc dù nhân loại đã bước qua thế kỷ 21, theo Bob Stanford, Chủ tịch Sáng kiến Canada thì “Cho tới gần đây con người mới nhận thức được sự phụ thuộc của xã hội và kinh tế vào nước”. Báo cáo chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc 2015 khẳng định: “Nước là cốt lõi của phát triển bền vững. Các nguồn tài nguyên nước cung cấp các dịch vụ quyết định sự tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và môi trường bền vững. Bảo đảm an ninh thực phẩm và năng lượng cho con người và sức khỏe môi trường, nước đóng góp nâng cao phúc lợi xã hội, tác động tới cuộc sống hàng tỷ người. Để đạt được tốt nhất các mục tiêu phát triển bền vững đòi hỏi sự cải thiện đột phá trong việc quản lý nguồn nước trên khắp toàn cầu”.

Ô nhiễm nước ở Việt Nam cũng đã vượt tầm kiểm soát. Nước xả thải của Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh đầu năm 2016 gây ô nhiễm biển ảnh hưởng tới toàn bộ bờ biển của bốn tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng trị, Thừa Thiên Huế gây ra thảm họa về cá chết và hệ sinh thái biển chưa thể khắc phục được và chưa biết khi nào khắc phục được. Như khẳng định của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2015, khi nước bị ô nhiễm, mức độ thảm họa vô cùng lớn vì xét đến tận cùng, toàn bộ cuộc sống của con người và động, thực vật đều phụ thuộc vào nước.

Mục tiêu Phát triển bền vững 6 và 14

SDG 6 về nước sạch và vệ sinh môi trường và SDG 14 về cuộc sống dưới nước đưa ra 17 mục tiêu cụ thể thế giới cần phải đạt được tới năm 2030. Với sự khác biệt giữa các nước về thực trạng môi trường nguồn nước, về khả năng kiểm soát ô nhiễm, trình độ quản trị, công nghệ, mỗi nước sẽ xây dựng các mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng nước.

SDG 6: Đảm bảo sự tiếp cận nước và vệ sinh môi trường cho tất cả

Các mục tiêu cụ thể của SDG 6 bao gồm:

- Tới 2030, tiếp cận nước uống an toàn và chi phí phù hợp cho tất cả trên toàn thế giới.
- Tới 2030, tiếp cận vệ sinh môi trường phù hợp cho tất cả và chấm dứt các hình thức nhà vệ sinh mở, đặc biệt chú ý tới nhu cầu của phụ nữ và các em gái và những người trong tình trạng dễ tổn thương.
- Tới 2030, cải thiện chất lượng nước bằng việc giảm thiểu ô nhiễm nước, loại bỏ hoàn toàn việc xả rác bừa bãi và giảm thấp nhất thải các hóa chất độc hại, giảm một nửa lượng nước thải chưa qua xử lý và nâng cao việc tái sử dụng và tái chế an toàn toàn cầu.
- Tới năm 2030, nâng cao việc sử dụng nước hiệu quả trong tất cả các ngành và đảm bảo việc khai thác nước mặt và cung cấp nước bền vững nhằm giải quyết việc thiếu nước và giảm đáng kể số người đang bị chịu cảnh thiếu nước.
- Tới năm 2030, thực hiện quản lý tích hợp nguồn nước ở mọi cấp, bao gồm cả hợp tác quản lý các nguồn nước qua biên giới hợp lý.
- Tới năm 2020, bảo vệ và khôi phục các hệ sinh thái liên quan tới nước, bao gồm các vùng núi, rừng, đất ngập nước, các tầng chứa nước, các hồ.
- Tới 2030, mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực cho các nước đang phát triển về các hoạt động và chương trình liên quan tới nước và vệ sinh, bao gồm việc thu hoạch nước, khử mặn, hiệu quả nước, xử lý nước thải, công nghệ tái sử dụng và tái chế.
- Hỗ trợ và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong cải thiện quản lý nước và vệ sinh môi trường.

SDG 14: Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và các tài nguyên biển

Nước biển chiếm 97% nước trên trái đất, tạo ra giá trị thị trường các nguồn tài nguyên và công nghiệp biển

chiếm 3.000 tỷ đô la, khoảng 15% GDP toàn cầu và 63% các dịch vụ sinh thái toàn cầu do biển và các vùng duyên hải cung cấp. SDG 14 nhằm tạo khung quản lý bền vững và bảo vệ hệ sinh thái vùng ven biển, các sinh vật biển trước các nguồn ô nhiễm từ đất liền, cũng như nhằm giải quyết các ảnh hưởng do axit hóa đại dương.

Các mục tiêu cụ thể của SDG 14 gồm:

- Tới 2025, ngăn ngừa và giảm thiểu, về cơ bản mọi nguồn ô nhiễm biển, đặc biệt là các nguồn ô nhiễm do các hoạt động trên đất liền, bao gồm các loại rác biển và ô nhiễm dinh dưỡng.
- Tới 2020, quản lý bền vững và bảo vệ các hệ sinh thái ven biển và biển nhằm nâng cao tính chịu đựng và thực hiện khôi phục nhằm giúp nâng cao sức khỏe và năng suất biển.
- Tới 2020, quản lý hiệu quả việc đánh cá và đánh cá quá mức, đánh cá trái phép và các phương thức đánh cá hủy diệt và thực hiện các kế hoạch quản lý dựa vào khoa học, nhằm khôi phục các đàn cá trong thời gian ngắn nhất có thể, ít nhất tới mức có thể đảm bảo hiệu suất tối đa được xác định bởi các tính chất sinh học.
- Tới năm 2020 bảo tồn ít nhất 10% các khu vực biển và duyên hải theo các luật quốc tế và quốc gia và dựa vào các thông tin khoa học tốt nhất.
- Tới 2020, cấm mọi hình thức trợ giá cho việc đánh cá quá mức, loại bỏ trợ giá cho các hoạt động phi pháp, đánh cá chui và mang tính tận diệt và biết rằng các cách xử lý hiệu quả và hợp lý khác nhau giữa các quốc gia cần được đưa vào các đàm phán về đánh cá của Tổ chức Thương mại Thế giới.
- Tới 2030, nâng cao lợi ích kinh tế cho các quốc gia đảo nhỏ và các nước đang phát triển trong việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên biển, thông qua quản lý bền vững ngành thủy sản, đánh cá và du lịch.

Kiểm soát ô nhiễm nước và Mục tiêu PTBV Số 6 và Số 14

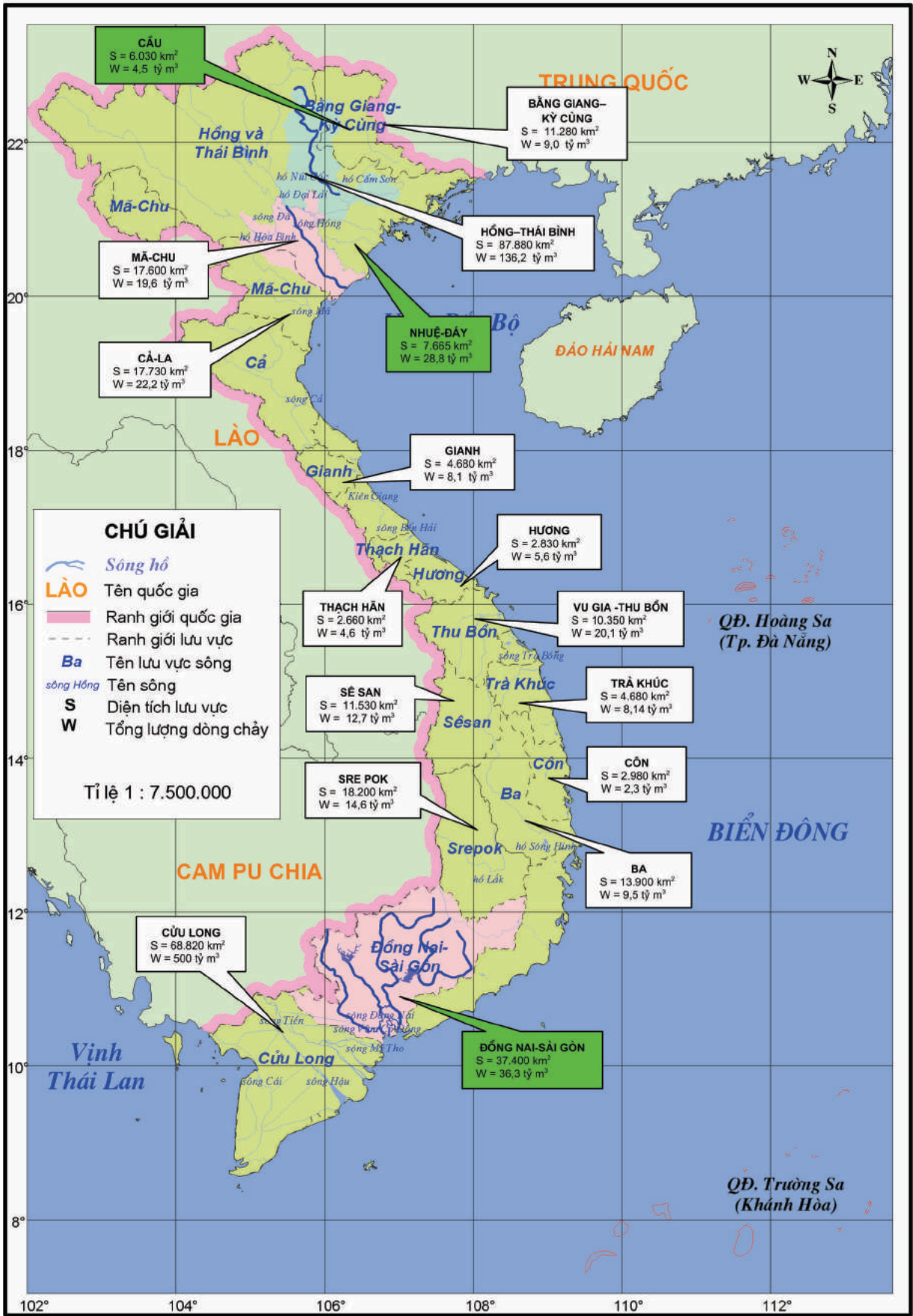
Nguy cơ lớn nhất cho cuộc sống của con

người và mọi ngành kinh tế của nước ta là ô nhiễm nước đã trở nên cực kỳ nghiêm trọng và vượt tầm kiểm soát. Mặc dù chúng ta đã có Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên Nước để bảo vệ nguồn nước trong hàng thập kỷ qua, tuy nhiên do Luật Bảo vệ Môi trường mang tính chất khung cho mọi thành phần môi trường như không khí, nước, đất, đa dạng sinh học, quản lý..., Luật Tài nguyên Nước tập trung vào quản lý nguồn tài nguyên nước, nên dù công tác kiểm soát ô nhiễm nước có được đề cập nhưng chưa đủ và chưa mạnh để kiểm soát được các nguồn ô nhiễm nước. Mặt khác các điều luật liên quan tới ô nhiễm nước chỉ mang tính định hướng chung, thiếu nền tảng khoa học công nghệ, thiếu các thông tin về số liệu nền cơ bản, thiếu các công cụ và chế tài hỗ trợ và giám sát cần thiết. Ngoài ra trình độ quản lý tích hợp lưu vực còn yếu, năng lực công nghệ xử lý còn rất thô sơ, nhận thức của các bên liên quan rất hạn chế, thiếu sự tham gia của các bên gây ô nhiễm khiến ô nhiễm nước không những không giảm đi mà ngày càng trầm trọng hơn.

Hai mục tiêu PTBV số 6 và số 14 chính là nền tảng cần thiết để rà soát thấu đáo hệ thống kiểm soát ô nhiễm nước của nước ta, từ thể chế, quy định, thông tin, công nghệ tới thực thi, và các vấn đề nhận thức, trách nhiệm cũng như công tác nghiên cứu nhằm cải cách từng bước công tác kiểm soát ô nhiễm nước. Kiểm soát ô nhiễm nước ở nước ta đòi hỏi một luật riêng biệt như các nước khác, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, tính minh bạch hiệu quả và chế tài thực thi nghiêm minh. Việc có được một luật nhằm giải quyết vấn đề cụ thể như ô nhiễm nước, nếu được xây dựng thành công trong kỳ Quốc hội 14 và được thực thi nghiêm minh, hy vọng tới 2030 các sông ngòi, các vùng nước mặt nội địa và ven biển sẽ từng bước thoát khỏi ô nhiễm nước, từng bước khôi phục lại hệ sinh thái và đóng góp ít nhất vào 30% GDP của nước nhà.

HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC MẶT TẠI VIỆT NAM

Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng



Nguồn Tổng Cục Môi trường

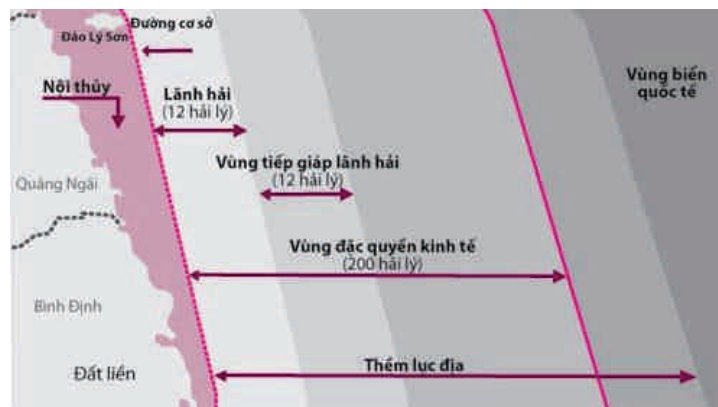
Các nguồn nước mặt tại Việt Nam

Nguồn nước mặt được phân loại thành các nhóm chính bao gồm: (1) Biển và các vùng biển ven bờ (các vùng biển ven bờ bao gồm ba loại hình tiêu biểu là các vũng, vịnh, các vùng cửa sông và các đầm, phá); (2) Nhóm các vùng nước chảy như sông, suối, kênh, rạch; (3) Nhóm các vùng nước tĩnh gồm hồ, ao (gồm cả các hồ nước ngọt lẫn hồ nước mặn); (4) Đất ngập nước là các vùng đất bị ngập nước theo chu kỳ, gián đoạn hoặc vĩnh cửu. Đất ngập nước có thể gồm nước mặn, nước lợ, hoặc nước ngọt, ở chế độ tĩnh hoặc chảy chậm.

Biển và các vùng ven biển

Theo Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982, diện tích vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam khoảng 1.000.000 km² biển Đông, trong đó vùng nội thủy là 4.500 km². Các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam là một phần biển Đông trải dọc theo bờ biển dài khoảng 3.260 km, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, với nhiều cửa sông, đầm, phá, vũng, vịnh. Như vậy, cứ 100 km² lãnh thổ đất liền có 1 km bờ biển, tỷ lệ này cao gấp 6 lần tỷ lệ trung bình của thế giới (600 km² đất liền có 1 km bờ biển).

Vùng ven biển bao gồm ba loại hình nước mặt tiêu biểu là các vũng, vịnh, các vùng cửa sông, và các đầm, phá. Vũng, vịnh ven bờ biển Việt Nam được hiểu là một phần của biển lờm vào lục địa



Sơ đồ các vùng biển Việt Nam
Nguồn: Tạp chí Quốc phòng Toàn dân

hoặc do đảo chắn tạo thành một vùng nước khép kín. Thống kê bước đầu cho thấy ở ven bờ biển Việt Nam có tổng số 48 vũng, vịnh có tổng diện tích khoảng 4.000 km² với tính chất phức tạp và mức độ tập trung khác nhau. Mặc dù diện tích mặt nước các vũng, vịnh ven bờ biển chỉ bằng khoảng 1,1% diện tích đất liền và khoảng 0,4% diện tích vùng biển nhưng đều là các vị trí trọng điểm, vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh – quốc phòng của đất nước. Các vũng, vịnh ven bờ biển Việt Nam gắn với sự phát triển của các trung tâm kinh tế, dân cư và đô thị lớn như Hạ Long, Đà Nẵng, Nha Trang. Các vũng, vịnh với điều kiện ít gió, nước sâu, ít bị bồi lắng cũng là nơi thuận lợi để xây dựng các cảng biển lớn tạo điều kiện phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ. Trong 15 khu kinh tế ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ra quyết định thành lập, nhiều khu quan trọng như Vân Đồn, Vũng Áng, Chân Mây – Lăng Cô, Dung Quất, Văn Phong đều nằm trên các bờ vịnh. Các vũng, vịnh cũng là ngư trường đánh bắt cá truyền thống ven bờ và là nơi có tiềm năng nuôi trồng thủy sản rất lớn. Ngoài ra, các vũng, vịnh thường có cảnh quan đẹp, tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng, năng suất sinh học cao và nhiều hệ sinh thái đặc thù nên có giá trị và tiềm năng bảo tồn tự nhiên lớn cũng như giúp thúc đẩy phát triển du lịch. Vịnh Hạ Long với hai lần được công nhận là di sản thế giới về mỹ học và địa chất học là một ví dụ điển hình.

Sông, suối, hồ, ao, kênh, rạch

Theo Quyết định số 1989/QĐ-TTg Về việc

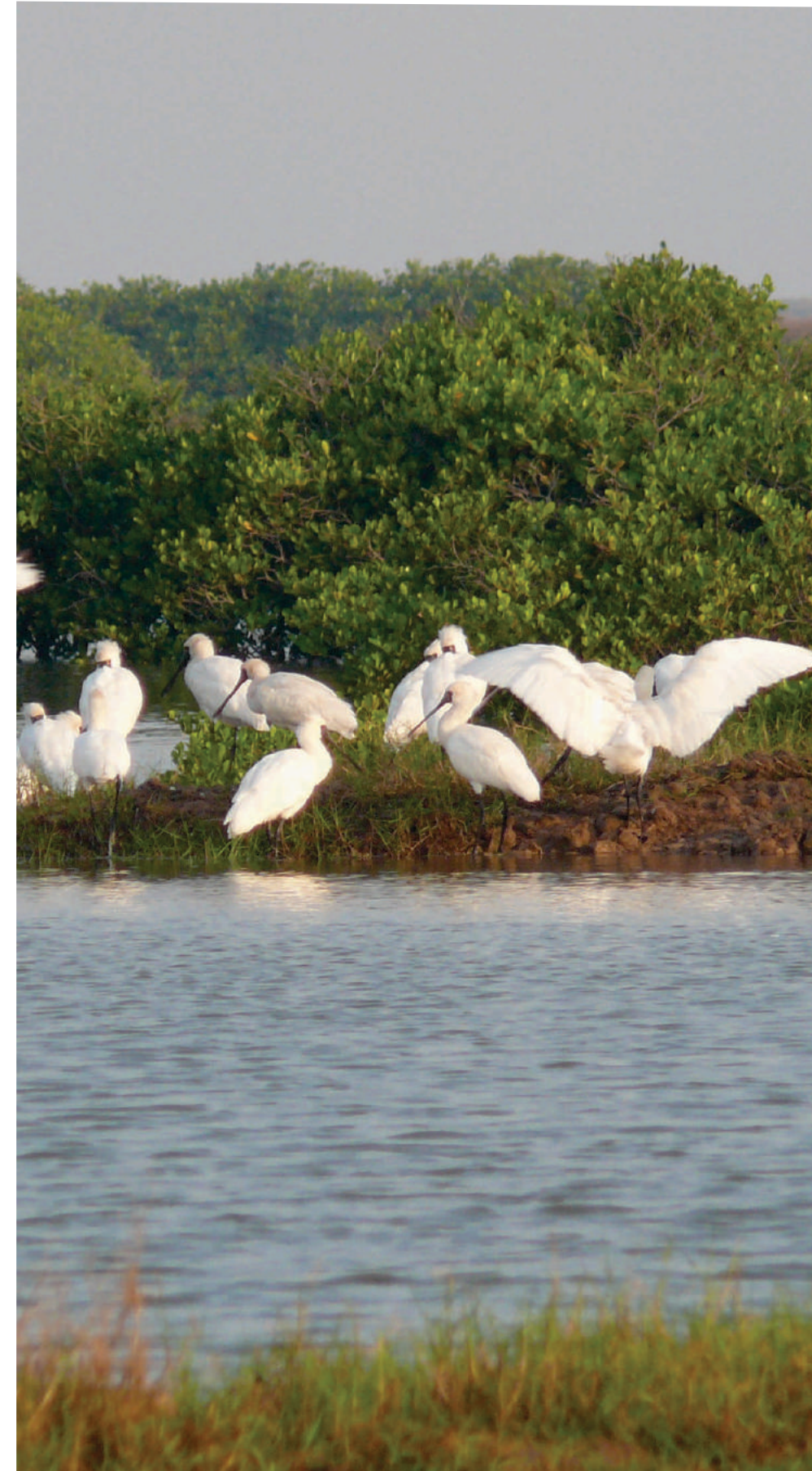


Ảnh một khúc sông Hồng chảy qua Hà Nội
Nguồn: Internet

ban hành danh mục lưu vực sông liên tỉnh, nước ta có tới 3.450 sông suối tương đối lớn (chiều dài từ 10km trở lên). Trong đó, 13 hệ thống sông lớn có diện tích lưu vực trên 10.000 km². Lưu vực của 8 hệ thống sông chính (Hồng - Thái Bình, Bắc Giang - Kỳ Cùng, Mã, Cả - La, Thu Bồn, Ba, Đồng Nai, Cửu Long) chiếm tới gần 93% tổng diện tích lưu vực sông toàn quốc và 81,7% diện tích lãnh thổ quốc gia. Có thể nói phần lớn diện tích lãnh thổ nước ta đều thuộc một lưu vực sông, suối nào đó. Mặc dù với hệ thống sông ngòi dày đặc như vậy nhưng nếu xét về tổng trữ lượng nước của nguồn nước này thì Việt Nam chỉ được xếp vào nhóm có tài nguyên nước trung bình, và gần 2/3 lượng nước của ta là từ nước ngoài chảy vào.

Các vùng đất ngập nước

Ở Việt Nam, đất ngập nước rất đa dạng với diện tích xấp xỉ 5.810.000 ha, chiếm khoảng 8% toàn bộ các vùng đất ngập nước của Châu Á. Trong đó, đất ngập nước nước ngọt chiếm khoảng 10% diện tích của các vùng đất ngập nước toàn quốc. Theo tài liệu của Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường (2001), hiện Việt Nam có 68 vùng đất ngập nước (khoảng 341.833 ha) có tầm quan trọng về đa dạng sinh học và môi trường. Đất ngập nước có rất nhiều lợi ích như duy trì và cải thiện chất lượng nước, cung cấp môi trường sống cho số lượng lớn các loài động thực vật, trữ lũ, duy trì dòng chảy trong mùa khô, và cung cấp sản vật tự nhiên cho con người. Nhiều vùng đất ngập nước có cảnh quan đẹp tạo điều kiện phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí và du lịch.



Vườn Quốc gia Xuân Thủy
Nguồn: Internet



Tác phẩm: Sóng ở đáy sông
Tác phẩm đoạt giải nhất cuộc thi “Nói hộ sông hồ Việt Nam”
Tác giả: Trần Quang Huy

Chất lượng nguồn nước mặt tại Việt Nam

Chất lượng nguồn nước mặt trước những năm 90

Hiện chưa có số liệu cụ thể nào đánh giá về chất lượng nước mặt của Việt Nam trước những năm 1990. Tuy nhiên, nước mặt cho sinh hoạt và tưới tiêu trước đây thường được người dân sử dụng trực tiếp từ hồ, ao, sông, suối, và hầu như chưa có những ghi chép về việc cá chết ở quy mô thảm họa hoặc gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người. Ngay cả những ghi chép về việc ngộ độc ở cá và người ở quy mô nhỏ

cũng hầu như không được tìm thấy trong các tài liệu.

Thậm chí các sông, ngòi, ao, hồ ở Việt Nam thường là nguồn cảm hứng cho thơ ca nhạc họa chứng tỏ cảnh quan khá đẹp và chất lượng nước tốt. Ví dụ như câu ca dao về sông Tô Lịch ở Hà Nội “Nước sông Tô vừa trong vừa mát/ Em ghé thuyền đậu sát thuyền anh” hay trong dân ca quan họ Bắc Ninh về sông Cầu: “Xuống sông uống nước cho ngời/Thỏa nỗi nhớ mong”, hay hai câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Tế Hanh về sông Trà Bồng (Quảng Ngãi): “Quê hương tôi có con sông xanh biếc/Nước gương trong soi tóc những hàng tre...”. Nhiều nguồn nước trước đây sạch tới mức có thể sử dụng để uống ngay được. Ví dụ suối Bung Cù (Bình Dương) trước đây được các chiến sĩ cách mạng nằm vùng sử dụng làm nước uống và chính dòng suối là nguồn cung cấp thức ăn

chính trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Chất lượng nguồn nước mặt thời điểm hiện tại

Hiện tại chất lượng nước mặt Việt Nam đã và đang đối diện với sự suy thoái nghiêm trọng. Trên tất cả 63 tỉnh thành, vấn đề ô nhiễm nước luôn là vấn đề nổi cộm, bức xúc. Theo phân loại các tin tức về ô nhiễm và quản lý môi trường đăng tải trong mục điểm tin môi trường thuộc trang web của Tổng cục Môi trường từ ngày 1/10 đến 6/11 năm 2013, tin về ô nhiễm nước chiếm 45%. Các tin còn lại bao gồm quản lý môi trường nói chung, ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm chất thải nguy hại-hóa chất, quản lý tài nguyên đất, rừng, khoáng sản, ô nhiễm không khí (chiếm 55%).

Chất lượng nước mặt của các sông, ngòi, kênh, rạch đặc biệt ở các vùng đô thị và vùng công nghiệp bị suy thoái tới mức gần như biến chất và nguy hiểm đối với con người và sinh vật thủy sinh. Các sông Tô Lịch, sông Sét, sông Kim Ngưu ...trong thực tế đã trở thành một phần của hệ thống thoát nước thải của thành phố Hà Nội và nước sông trở nên đen sẫm và bốc mùi như nước cống. Các sông khác như sông Ngũ Huyện Khê (Bắc Ninh), sông Bưởi (Thanh Hóa), sông Nhuệ-Đáy (đoạn chảy qua Hà Tây cũ, Hà Nam), sông Thị Vải (Đồng Nai), suối Bó Cá (Sơn La), sông Đa Độ (Hải Phòng), sông Gâm (Cao Bằng), hồ Nhất Bích Trì (Lạng Sơn), sông Nậm Cắt (Bắc Cạn), Ngòi Lao (Phú Thọ), suối nước Nà Bò (Lai Châu), ...cũng đều nằm trong tình trạng báo động về mức độ ô nhiễm và đã được công bố trên phương tiện thông tin trong thời gian vừa qua.

Chất lượng nước các vùng nước ven biển cũng suy thoái rất trầm trọng: từ cửa biển sông Đốc (Cà Mau), đến vùng ven biển Hải Phòng và đặc biệt là chất lượng nước các vùng nước ven biển miền Trung dẫn đến thảm họa môi trường gây cá chết trong tháng 4 năm 2016 cho thấy ô nhiễm nước đã làm thay đổi chất lượng nước, chất lượng hệ sinh thái. Thường khi chất lượng nước đã bị suy thoái đến mức như vậy, việc khôi phục rất khó khăn, tốn kém và đòi hỏi rất nhiều thời gian.

Công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh trong khoảng ba thập kỷ vừa qua đã thải một lượng lớn các

chất thải, hóa chất ô nhiễm vào các vùng nước mặt, khiến chất lượng nước suy thoái mang tính rộng khắp, sâu sắc, điều đó cho thấy ô nhiễm nước đã gần như nằm ngoài vòng kiểm soát của con người.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2012 về môi trường nước, chất lượng nước ở vùng thượng lưu các dòng sông lớn còn khá tốt. Tuy vậy, ở các vùng hạ lưu đã có nhiều vùng bị ô nhiễm nặng nề, đặc biệt các khu vực tập trung nhiều đô thị và các khu công nghiệp, làng nghề, khu vực khai thác khoáng sản. Sự ô nhiễm nước gây ra chủ yếu do các chất ô nhiễm có trong nước thải và rác thải. Mức độ ô nhiễm nguồn nước nặng hay nhẹ phụ thuộc vào độc tính, hàm lượng của các chất ô nhiễm thải vào trong nguồn nước và phụ thuộc vào hiệu quả kiểm soát các nguồn thải. Môi trường nước tại các hệ thống hồ ao, kênh, mương và các sông nhỏ trong khu vực nội thành, nội thị ở các thành phố lớn hầu như đều bị ô nhiễm nặng.



Sông Tô Lịch năm 1885 (Nguồn: <http://www.nguoiduat.vn>)



Sông Tô Lịch hiện tại (Nguồn: <http://baodatviet.vn>)



NGUỒN NƯỚC SẠCH

CỐT LÕI CỦA NGÀNH KINH TẾ

Tác phẩm tham gia cuộc thi "Nói hộ sông hồ Việt Nam"

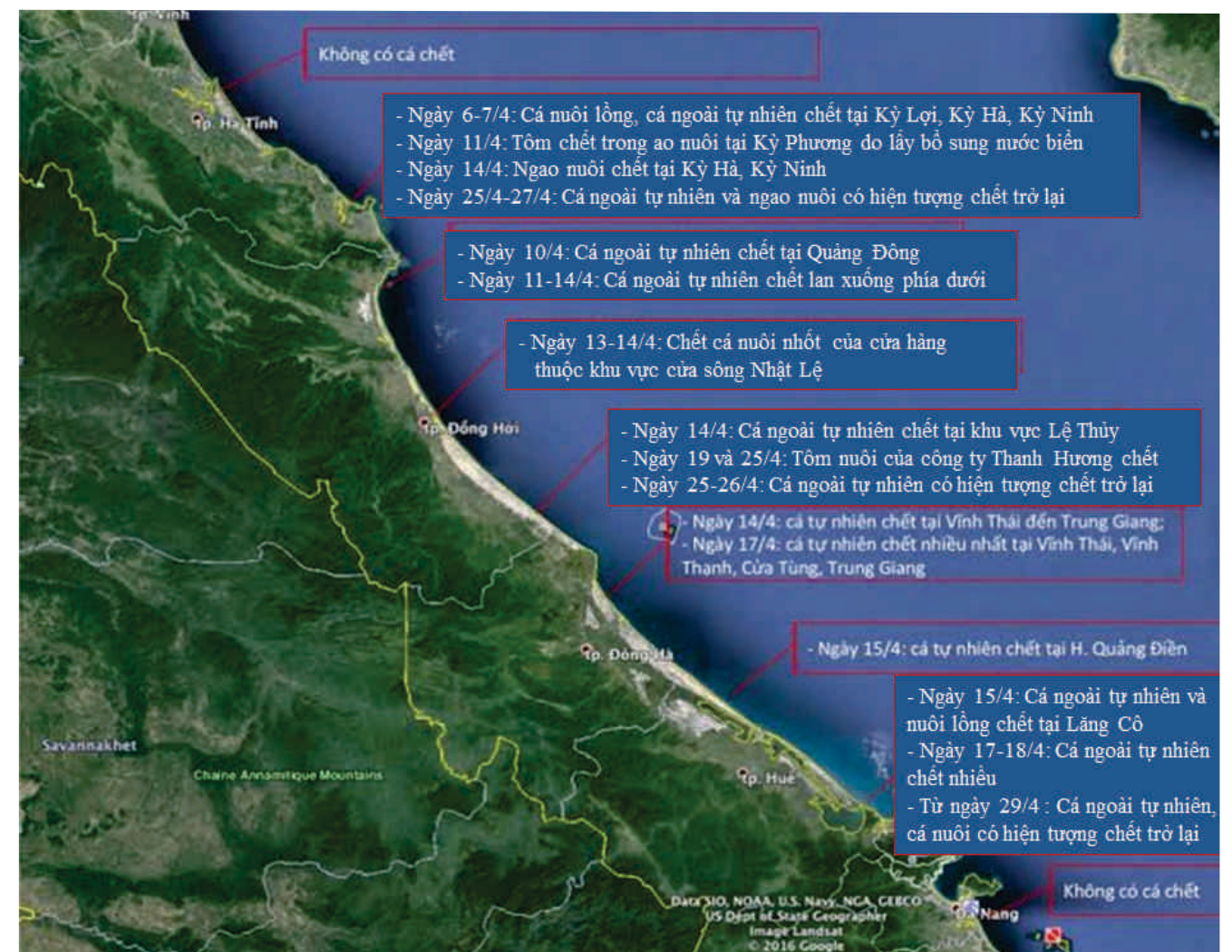
Nguyên Phó tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản

Ngành thủy sản chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Theo thống kê năm 2015 của Tổng cục Thống kê, giá trị kinh tế thủy sản đạt 91.185 tỷ đồng chiếm 3,17% tổng GDP toàn quốc. Ngành thủy sản góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, xóa đói giảm nghèo, và giải quyết việc làm cho khoảng trên 4 triệu lao

Nước là môi trường sống của các loài thủy sản, chất lượng nguồn nước là một trong những điều kiện then chốt ảnh hưởng trực tiếp tới ngành thủy sản. Môi trường nước bị ô nhiễm sẽ tác động trực tiếp đến đối tượng nuôi trồng như các loài thủy sản nuôi nhiễm độc dẫn đến chất lượng sản phẩm thủy sản không an toàn; loài nuôi bỏ ăn, còi cọc tốc độ tăng trưởng chậm, dễ phát sinh các loại dịch bệnh. Khi nguồn nước ô nhiễm sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất đó là tăng chi phí đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng để lắng, lọc và xử lý nước trước khi cho vào ao nuôi; tăng chi phí đầu tư cho việc sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học

Hệ thống sông ngòi có lưu vực rộng lớn và có rất nhiều các ngành kinh tế hoạt động trong lưu vực này, mỗi hoạt động chỉ góp một phần nhỏ các yếu tố gây ô nhiễm

Với hơn 3.000 con sông suối dài hơn 10km, hàng nghìn các ao, hồ lớn nhỏ, và đường bờ biển kéo dài, Việt Nam có nhiều lợi thế để phát triển ngành kinh tế thủy sản. Nhưng việc không kiểm soát được nguồn ô nhiễm dẫn tới chất lượng nguồn nước mặt Việt Nam đã và đang đối diện với sự suy thoái nghiêm trọng và gây thiệt hại lớn cho ngành thủy sản Việt Nam. Những năm gần đây Việt Nam đã xảy ra liên tiếp các vụ cá chết hàng loạt do nguồn nước bị ô nhiễm gây thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng cho nền kinh tế. Thống kê những vụ cá, tôm chết hàng loạt do chất lượng nước nuôi không đảm bảo dẫn đến dịch bệnh ước tính trong giai đoạn 2010-2016 tổng số



10 | BẢN TIN CHÍNH SÁCH KSONN SỐ 1

kinh phí thiệt hại lên đến 1.042 tỷ. Như vậy trung bình một năm ngành thủy sản thiệt hại khoảng 160,3 tỷ từ ô nhiễm nước. Con số này chỉ là phần nổi của tảng băng chìm, bởi tin chắc rằng sẽ còn nhiều vụ ô nhiễm mà không thống kê được.

Thiệt hại nặng nề nhất do ảnh hưởng của nguồn nước bị ô nhiễm tới ngành thủy sản đó là thảm họa cá chết tại 4 tỉnh miền Trung do nước thải của Formosa thải ra biển. Thảm họa này đã gây ra thiệt hại to lớn không những gây thiệt hại cho ngành nuôi trồng mà còn gây thiệt hại cho ngành đánh bắt, nguy hiểm hơn cả là nó ảnh hưởng tới các rạn san hô và các loài sinh vật biển, ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế của hàng ngàn hộ dân sống phụ thuộc vào nguồn thủy sản biển.

Tóm lại nguồn nước chính là cốt lõi cho ngành thủy sản phát triển, nếu không giữ được nguồn nước đảm bảo sẽ gây ra thiệt hại lớn cho ngành, ảnh hưởng tới sinh kế của hàng triệu triệu lao động sống phụ thuộc vào ngành thủy sản.

Bảo vệ nước sạch của các vùng nước mặt gồm sông, ngòi, ao, hồ, các vùng biển duyên hải bảo đảm cho cá, tôm, cua, và các loài nhuyễn thể, thủy sinh sinh sôi nảy nở và bảo đảm sinh kế và mọi hoạt động liên quan đến nước của con người phải trở thành ưu tiên hàng đầu trong công tác bảo vệ môi trường. Có nước sạch sẽ có tất cả: như thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, các dịch vụ du lịch và mọi sinh kế gắn liền với du lịch, sức khỏe, phúc lợi từ các dịch vụ liên quan đến nước. Có nước sạch mới có sự sống.



Chèo thuyền thăm Tràng An
Ảnh: Đinh Tiến Dũng/CECR

Hình ảnh Du lịch

Sự lệ thuộc vào chất lượng nước

Tổng hợp và biên tập: Đặng Thùy Trang
Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng

Tầm quan trọng của nguồn nước đối với ngành du lịch Việt Nam

Với đặc trưng về tài nguyên thiên nhiên là có đường bờ biển kéo dài, và nhiều hệ thống sông, ngòi, ao, hồ dày đặc vì vậy ngành du lịch Việt Nam phát triển gắn bó rất mật thiết với nguồn tài nguyên này. Theo Tổng cục Du

lich Việt Nam, du lịch biển, đảo hiện đang chiếm khoảng 70% hoạt động của ngành du lịch Việt Nam (tập trung khai thác 125 bãi tắm, các vũng vịnh, hệ thống đảo), ngoài ra các hoạt động du lịch sinh thái khác cũng chủ yếu liên quan tới nguồn nước rất nhiều như tuyến du lịch Nam bộ gắn với hệ thống sông Mekông, Đà Nẵng - sông Hàn, Huế - sông Hương, Ninh Bình - hệ thống Tràng An, trèo thuyền qua hệ thống động Phong Nha Kẻ Bàng, du lịch Hà Nội gắn với hệ thống ao, hồ như hồ Hoàn Kiếm, hồ Tây, và rất nhiều hệ thống rừng ngập mặn ven biển như Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy, VQG Tràm Chim, VQG Cát Tiên....

Qua phân tích đặc điểm ngành du lịch ở trên ta có thể thấy gần như ngành du lịch phụ thuộc hoàn toàn vào cảnh quan, cũng như chất lượng nước các vùng nước ven biển, sông hồ...Ô nhiễm các vùng nước mặt dù lớn hay nhỏ có thể giết chết ngành du lịch và theo đó là tất cả các dịch vụ ăn theo như nhà hàng, khách sạn, đánh bắt thủy hải sản, sản xuất thực phẩm, giao thông vận tải, kinh doanh thương mại những dịch vụ đang tạo ra rất nhiều công ăn việc làm cho hàng ngàn người tại các vùng du lịch.

“Nước thực sự là một trong những tài sản chính của ngành du lịch. Hàng triệu người khắp thế giới đã tới các điểm du lịch liên quan đến nước như các đảo, các bãi biển. Nước cũng là một trong những tài nguyên quý giá nhất của ngành du lịch. Nước ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực của du lịch như khách sạn - nhà hàng, vận chuyển và giải trí”

Thông điệp chính thức của Tổng thư ký UNWTO Taleb Rifai nhân ngày Du lịch Thế giới 2013

Tác động của ô nhiễm nước tới ngành du lịch

Vì hầu hết mọi hoạt động của ngành du lịch Việt Nam là gắn với nguồn nước vì vậy khi nguồn nước bị ô nhiễm sẽ tác động trực tiếp tới ngành du lịch. Đầu tiên là làm suy giảm giá trị cảnh quan từ đó sẽ làm giảm lượng khách du lịch vì tâm lý lo ngại các ảnh hưởng sức khỏe do nguồn nước bị ô nhiễm gây ra. Do đó sẽ làm gián đoạn chuỗi giá trị du lịch cụ thể là làm đứt gãy chuỗi cung ứng du lịch nội vùng và liên vùng, phá vỡ và thay đổi tuyến du lịch quốc gia, thay đổi xu hướng tiêu dùng du lịch,

cung du lịch bị động và phải tăng đầu tư để thích ứng.

Đặc biệt nghiêm trọng hơn là nó có thể làm suy giảm hình ảnh điểm đến, nhất là đối với các sự cố ô nhiễm nghiêm trọng trên diện rộng. Việc làm suy giảm hình ảnh điểm đến gây ra tác hại vô cùng to lớn cho ngành du lịch vì nó có thể tác động trong một thời gian rất dài, ngay cả khi các sự cố đã được xử lý. Thậm trí tác động đến du lịch của các khu vực lân cận và cả quốc gia

Sự cố cá chết hàng loạt tại 4 tỉnh miền Trung vừa qua là một minh chứng rõ ràng nhất cho việc suy giảm hình ảnh điểm đến. Từ khi hiện tượng cá chết hàng loạt cho đến nay du lịch biển tại 4 tỉnh này suy giảm rõ rệt, kéo theo đó là “ế ẩm” của các dịch vụ ăn theo nhà hàng, khách sạn, đánh bắt thủy hải sản....

Chưa có nhiều tính toán đưa ra con số cụ thể về thiệt hại đối với ngành du lịch do ô nhiễm nước gây ra tuy nhiên có thể thấy ô nhiễm nước sẽ gây ra nhưng thiệt hại to lớn cho ngành du lịch cũng như các sinh kế phụ thuộc vào ngành này.

Du lịch phụ thuộc một mức độ quan trọng đến nguồn nước, đây là nguồn tài nguyên cần thiết để cung cấp cho các dịch vụ liên quan đến nhu cầu cơ bản của con người, chẳng hạn như vệ sinh hoặc thực phẩm, cũng như là điều kiện tiên quyết để sản xuất nhiên liệu, và là nguồn lực thiết yếu trong một loạt các hoạt động du lịch, chẳng hạn như bơi lội, trèo thuyền thúng cảnh.... Nguồn nước hạn chế, chất lượng nước nghèo hoặc phương tiện truyền thông mô tả về một cuộc khủng hoảng nước có thể làm tổn hại rất lớn đến hình ảnh của các điểm đến du lịch.



Đầm Trĩ, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội
Ảnh: CECR

PHÁP LUẬT

VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NƯỚC

Theo UNEP (1997), những chính sách liên quan đến kiểm soát ô nhiễm nước (KSONN) thường được tìm thấy trong hệ thống pháp luật các nước trên thế giới. Pháp luật về KSONN thường liên quan đến 3 hệ thống luật chính: Luật Bảo vệ Môi trường (BVMT), các kế hoạch hành động/các khung quy hoạch quản lý tài nguyên nước (TNN) và các khía cạnh về sức khỏe cộng đồng. Ba lĩnh vực này thường tương tác và quản lý bởi nhiều bộ khác nhau, thường là Bộ Môi trường, Bộ về Tài nguyên Nước hoặc Bộ Y tế.

Chính vì vậy, việc kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm nước (ONN) chỉ có thể thực sự hiệu quả khi được làm rất rõ trong các luật và chính sách khác nhau, cụ thể là luật liên quan đến quản lý nguồn nước và bảo vệ môi trường.

Ở một số nước, thay vì các chính sách nằm trong các luật khác như trên thì họ đã xây dựng một luật riêng biệt về KSONN. Về cơ bản Luật này thường bao gồm mục tiêu cần đạt được về chất lượng nước, các chính sách, các nguyên tắc, các công cụ ngăn ngừa và xử lý các chất thải trước khi chúng được xả thải vào các nguồn nước, trách nhiệm thực thi cụ thể của các bên. Các luật về KSONN này thường dựa trên một hệ thống quy định khoa học chặt chẽ, các công nghệ xử lý nước thải hiệu quả, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hợp lý, với một kế hoạch ngân sách rõ ràng và hệ thống giám sát chất lượng nước hiệu quả. Đặc biệt nguồn nhân lực quản lý thực hiện luật này phải có được sự hiểu thấu về pháp luật, về công nghệ, về hệ sinh thái của nước, về cách tiếp cận quản lý theo lưu vực cũng như hiểu biết sâu sắc về các nguồn ô nhiễm và các phương pháp tích hợp để quản lý chúng. Các nguồn nhân lực này bao gồm các luật sư, các nhà công nghệ, các nhà bảo tồn sinh học, các nhà quản lý môi trường. Các quy định về sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo tồn hệ sinh thái và giám sát chất lượng nước cũng được xác định cụ thể trong thực hiện luật.

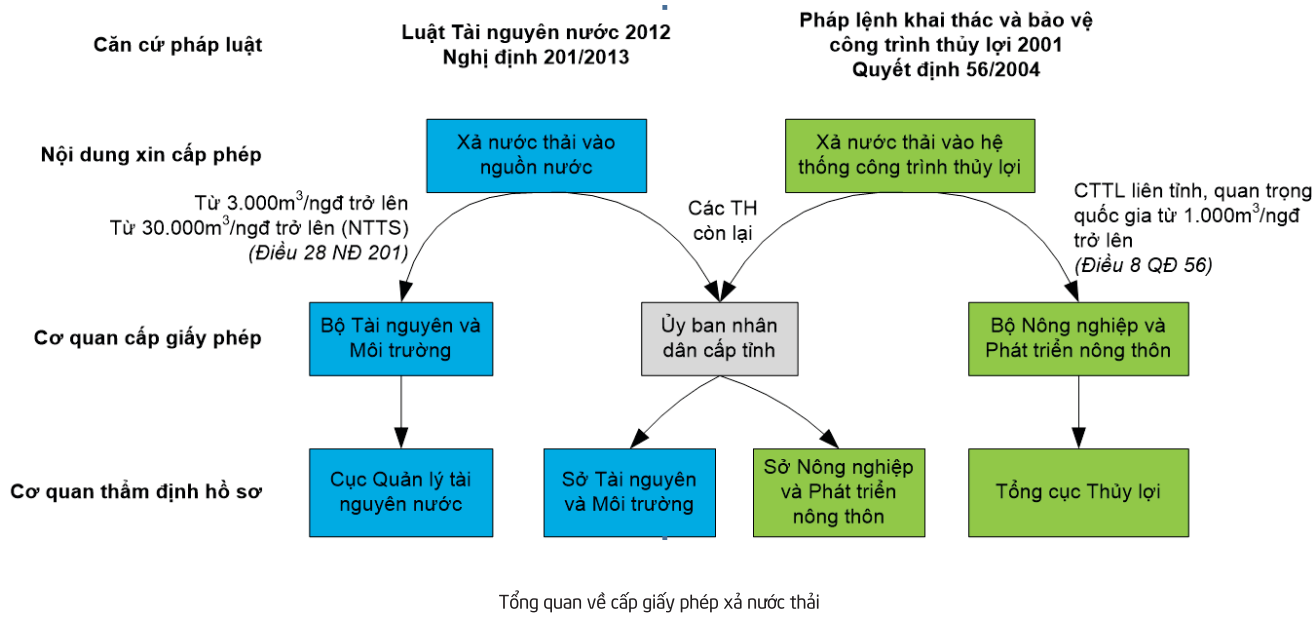
Qua phân tích ở trên có thể thấy được việc kiểm soát được các chất ô nhiễm trước khi đi vào các nguồn nước phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố từ chế tài, công nghệ, tiêu chuẩn ... cho tới sự tham gia của các bên. Các yếu tố mang tính quyết định bao gồm: Giấy phép xả thải; Tiêu chuẩn, quy chuẩn xả thải; Công nghệ xử lý; Tài chính; Nhân lực quản lý; Thanh kiểm tra, xử phạt; Giám sát.

Tại Việt Nam, các điều luật trực tiếp về xử lý các chất ô nhiễm trước khi xả thải vào nguồn nước nằm trong hai bộ luật chính là Luật BVMT và Luật TNN. Đây là hai luật có một vài điều khoản liên quan tới việc xử lý các chất ô nhiễm. Dưới Luật là hàng loạt các nghị định, thông tư, quyết định nhằm cụ thể hóa việc xử lý, quản lý nước thải, chất thải trước khi xả thải vào nguồn nước. Ngoài ra các luật trong các lĩnh vực khác có liên quan tới nước như Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học, Luật Giao thông đường thủy nội địa ... đều có những điều khoản liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến KSONN. Giấy phép xả thải là công cụ quan trọng nhất trong kiểm soát nguồn gây ô nhiễm nước, bài viết tiếp theo sẽ tập trung phân tích các khía cạnh chính sách liên quan tới cấp giấy phép xả thải tại Việt Nam.

Quy định và thực thi pháp luật về giấy phép xả thải

Đinh Tiến Dũng
Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng

Giấy phép xả thải là công cụ chủ chốt trong việc đảm bảo các chất ô nhiễm sinh ra bởi hoạt động của con người không gây tổn hại tới nguồn nước, thông qua việc bắt buộc



nước thải trước khi xả ra môi trường phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã quy định khá chi tiết về việc cấp, quản lý và kiểm tra việc tuân thủ các nội dung của giấy phép xả thải, nhưng thực tế cho thấy rất nhiều bất cập đã nảy sinh trong quá trình thực thi công cụ quan trọng này do nhiều nguyên nhân.

Trách nhiệm quản lý chồng chéo trong công tác cấp và quản lý giấy phép

Việc quản lý xả nước thải được quy định bởi Luật Tài nguyên Nước (TNN) và Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (PLKTBVCTTL), trong đó nêu rõ các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước và hệ thống công trình thủy lợi (CTTL) cần phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (điều 37 Luật TNN, điều 26 PLKTBVCTTL). Luật cũng quy định cụ thể thẩm quyền cấp phép của cơ quan quản lý nhà nước ở cả 2 cấp trung ương và địa phương, theo đó: Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) và UBND cấp tỉnh cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NNPTNT) và UBND cấp tỉnh cấp giấy phép xả thải vào hệ thống CTTL (hình 2).

Theo Luật TNN khái niệm nguồn nước là các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng bao gồm sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác. Khái niệm này vốn đã bao hàm cả các nguồn nước nằm trong hệ thống CTTL. Mặt khác, nước sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao có đặc điểm là kết nối liên hoàn với nhau thành một hệ thống thống nhất, đưa các chất ô nhiễm từ vùng này tới vùng khác, nên không thể phân thành 2 vùng riêng biệt như trên xét trên khía cạnh kiểm soát ô nhiễm. Như vậy, trên cùng một hệ

thống lại có 2 loại giấy phép khác nhau được cấp bởi 2 cơ quan khác nhau để quản lý cùng một vấn đề là điều rất bất hợp lý, gây khó khăn cho công tác quản lý và giám sát.

Ngoài ra, việc phân trách nhiệm cấp phép xả thải cho ngành nông nghiệp không có chức năng quản lý môi trường cũng dẫn tới nhiều bất cập. Các Sở NNPTNT chịu trách nhiệm cấp phép xả thải vào CTTL nhưng lại không có thẩm quyền thanh tra, xử phạt các doanh nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý hoặc chưa có giấy phép xả thải. Các đơn vị quản lý, khai thác CTTL cũng chỉ có thể theo dõi, phát hiện vi phạm và báo cáo lại các cơ quan chức năng như Sở TNMT, cảnh sát môi trường để tiến hành xử lý. Trong khi đó, vấn đề ô nhiễm nước ở Việt Nam chủ yếu bắt nguồn từ ô nhiễm ở hệ thống kênh mương thủy lợi, từ đó chảy ra và làm ô nhiễm các sông lớn.

Thiếu cơ sở khoa học để cấp phép

Việc cấp phép xả thải vào nguồn nước hay vào CTTL đều dựa trên các căn cứ quan trọng nhất là: tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải, chức năng của nguồn nước, và khả năng tiếp nhận của nguồn nước (Điều 37 luật TNN và Điều 3 Quyết định số 56 về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống CTTL). Chưa kể đến tính hợp lý của các quy chuẩn chất lượng nước thải, nước mặt thì việc xác định khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước đòi hỏi phải có tính toán cụ thể trên phạm vi một đoạn sông (hoặc thậm chí trong phạm vi lớn hơn nữa như một lưu vực) có xét đến tác động của tất cả các nguồn thải đang hoạt động, các yếu tố thủy văn, thủy lực và các yếu tố khác có ảnh hưởng tới khả năng tự làm sạch của

đoạn sông tính toán chứ không chỉ căn cứ vào các thông tin chung về nguồn nước tiếp nhận hay tính toán cho một nguồn thải đơn lẻ như hiện nay². Do đó, cơ quan cấp phép và hội đồng thẩm định hồ sơ xin cấp phép thực chất chưa đủ cơ sở khoa học để đảm bảo việc xả thải của doanh nghiệp xin cấp phép có gây ô nhiễm hay không. Thậm chí, việc thành lập hội đồng thẩm định cũng không phải là yêu cầu bắt buộc trong quy trình xét duyệt hồ sơ xin cấp phép (Điều 35 Nghị định 201 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNN). Do các quyết định còn mang tính cảm tính, việc cấp phép xả thải như hiện nay mang nặng tính xin-cho tạo điều kiện cho tiêu cực phát sinh.

Kiểm tra việc tuân thủ giấy phép

Theo Thông tư 27/2014-BTNMT, các doanh nghiệp phải nộp báo cáo trước 15/12 hàng năm về tình hình thu gom, xử lý nước

thải, xả thải và các vấn đề phát sinh, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận cho cơ quan cấp phép. Như vậy, việc các doanh nghiệp có tuân thủ giấy phép hay không phụ thuộc hoàn toàn vào sự trung thực của doanh nghiệp và các đơn vị quan trắc được doanh nghiệp thuê. Cơ quan quản lý cũng không đủ nguồn lực để tiến hành thanh tra, kiểm tra hàng năm tất cả các doanh nghiệp, trong khi chưa có quy định nào xác định các tiêu chí lựa chọn các cơ sở cần thanh tra (như các cơ sở có lượng xả thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao). Việc giám sát từ xa cũng còn rất hạn chế khi chưa có cơ chế cho việc hỗ trợ lắp đặt các trạm quan trắc tự động, liên tục cùng với hệ thống truyền dẫn số liệu đến cơ quan chức năng. Các vụ vi phạm lớn trong những năm gần đây được phát hiện chủ yếu do người dân, khi các vi phạm này đã gây ra các thảm họa môi trường trong một thời gian dài.



²Năm 2009, Bộ TNMT cũng đã ban hành Thông tư 02/2009/TT-BTNMT hướng dẫn phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước. Tuy nhiên Thông tư này hầu như không được các địa phương áp dụng trong quá trình cấp phép xả thải do nhiều hạn chế trong phương pháp tính toán cũng như thiếu các dữ liệu cần thiết.



GÓC NHÌN CHUYÊN GIA

Nguồn nước sạch và sự phát triển bền vững: Vấn đề chính sách - Các ý kiến chuyên gia

*Tổng hợp và biên tập: Đinh Thu Hằng
Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng*



Ủy viên thường trực, Ủy ban Pháp luật Quốc hội, Đại biểu Quốc hội khóa 14, bà Trần Hồng Nguyên: “Sau khi được tiếp cận tài liệu về “Ô nhiễm nước: Hiện trạng, các ảnh hưởng tới sức khỏe và kinh tế” của Liên

Tại buổi tọa đàm “NGUỒN NƯỚC SẠCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH” được tổ chức ngày 14 tháng 7 năm 2016 do Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đồng tổ chức cùng Liên minh Nước sạch, các chuyên gia về chính sách, pháp luật và môi trường đã có những trao đổi cởi mở và xây dựng về các khía cạnh khác nhau trong Kiểm soát ô nhiễm nước (KSONN). Bài tổng hợp dưới đây phản ánh các ý kiến phát biểu của các chuyên gia tại hội thảo trên.

minh Nước sạch và CECR biên soạn làm tài liệu tham khảo cho các đại biểu quốc hội, tôi đã có những thông tin rất bổ ích, có bức tranh tổng thể về hiện trạng ô nhiễm nước hiện nay và thấy rõ sự cần thiết bảo vệ nguồn nước. Chúng ta cho đến nay bắt đầu quan tâm đến vấn đề ô nhiễm nước cũng là muộn nhưng vì hiện tại có rất nhiều bức xúc, bất cập nhất là đối với người dân. Tôi thấy rất cần thiết có hệ thống pháp luật để điều chỉnh vấn đề kiểm soát ô nhiễm nước trong bối cảnh hệ thống pháp luật có nhiều luật chuyên ngành có liên quan. Trong bối cảnh có nhiều luận như vậy, để thuyết phục được các cơ quan quản

lý ban hành một luật riêng về KSONN đòi hỏi một lộ trình với sự chuẩn bị rất đầy đủ để chứng minh được yêu cầu trên là xác đáng, có cơ sở vững chắc và sự cần thiết phải ban hành Luật KSONN”.



Phó chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Vusta), Đại biểu Quốc hội khóa 14, ông Nghiêm Vũ Khải: “Chúng ta đều nhận thấy sự cần thiết phải có Luật

KSONN và bước tiếp theo là xây dựng luật đó như thế nào để giải quyết được các bất cập như chồng chéo, chưa cụ thể của các luật hiện có. Số lượng các quy định rất lớn gây khó khăn cho cả người quản và người bị điều chỉnh. Trong vấn đề KSONN, phải nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương nơi trực tiếp diễn ra tình trạng ô nhiễm nước. Bên cạnh đó là nâng cao vai trò và chức năng các hiệp hội khoa học như Vusta trong việc tư vấn, phản biện khoa học, tuyên truyền phổ biến kiến thức”.



Nguyên Đại biểu Quốc hội khóa 10, 11 và 12, Chủ tịch Hội các ngành Sinh học Việt Nam, GS. TS. Nguyễn Lâm Dũng: “Nguồn gốc gây ô nhiễm nước: rác thải, nước thải từ công nghiệp, sinh hoạt và

nông nghiệp. Điển hình như nước thải sinh hoạt từ Hà Nội đã biến sông Châu Giang ở Hà Nam vốn thơ mộng và đẹp trở thành con sông chết không có một bóng người, không có một bóng thuyền! Nước thải từ nông nghiệp là vấn đề rất đáng lo ngại. Thực tế Việt Nam nhập 1.643 hoạt chất bảo vệ thực vật, 4.100 loại thuốc trừ sâu trong khi so với Trung Quốc với một tỷ tư dân nhưng chỉ sử dụng 6.30 hoạt chất BVTV. Trong đó 80% thuốc BVTV Việt Nam nhập từ Trung Quốc. Vấn đề là tồn dư các thuốc BVTV trên bao bì (200 tấn/năm) sẽ đi vào nguồn nước, gây ô nhiễm nguồn nước và những hệ lụy to lớn cho sức khỏe con người. Thực tế hiện nay người dân đang mất niềm tin và rất hoang mang khi sử dụng thực phẩm do vấn đề sử dụng không hợp lý thuốc trừ sâu”.



Chủ tịch hội Kinh tế Môi trường Việt Nam, ông Trương Mạnh Tiến: “Ô nhiễm nước ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng và đến nền kinh tế của đất nước

do đó rất cần thiết phải có sự thay đổi trong xây dựng chính sách và pháp luật nhằm nâng cao năng lực thực thi pháp luật từ cấp trung ương đến địa phương. Việt Nam có rất nhiều các quy định pháp luật, quy định về công cụ kiểm soát ô nhiễm nước, các cơ quan chức năng quản lý nhưng thực trạng là ô nhiễm nước vẫn xảy ra. Điều này có thể do cách tiếp cận xây dựng chính sách và pháp luật chưa phù hợp, do có sự chồng chéo trong quản lý và trách nhiệm các cơ quan, thiếu sự lồng ghép công nghệ - tài chính - nhân lực”.



Nguyên hàm vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ, bà Nguyễn Thị Như Mai: “Nguồn gây ô nhiễm nước thuộc nhiều bộ quản lý và thuộc nhiều

luật khác nhau điều chỉnh nhưng địa bàn diễn ra ô nhiễm là địa phương nên Luật KSONN cần có hướng tiếp cận tổng hợp và từ dưới lên. Do đó, công tác KSONN cần phát huy được vai trò của địa phương, cộng đồng. Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt chương trình quản lý tổng hợp lưu vực sông trong đó phát huy vai trò của địa phương và đó là một cách tiếp cận tổng hợp”.



Nguyên Vụ phó Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường Quốc Hội, ông Nghiêm Xuân Bạch: “Việt Nam có hơn 200 bộ luật và hàng nghìn văn bản dưới luật

(rừng luật) nhưng hiệu quả thực thi không cao trong đó còn có nhiều sự chồng chéo, phức tạp, khó hiểu khiến chất lượng hệ thống luật Việt Nam hiện nay có thể nói là đi xuống. Luật BVMT 2014 là luật khung với khoảng 38 văn bản dưới luật khác nhưng thực tế thực thi chưa hiệu quả. Trong nghị quyết 48 của Bộ Chính

trị khóa 9 có đưa ra Chiến lược xây dựng phát triển pháp luật Việt Nam với tiêu chí: Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính khả thi của pháp luật; Hạn chế tối đa các văn bản dưới luật để luật sớm đi vào thực hiện một cách nghiêm túc. Do đó rất cần thiết phải vận động các cơ quan chính phủ, quốc hội ban hành luật chuyên sâu về KSONN với mục đích là giúp các đối tượng chịu sự điều chỉnh không phải tìm hiểu quá nhiều văn bản pháp luật liên quan, đồng thời bản thân các cơ quan quản lý môi trường cũng dễ dàng quản lý không gây ra sự chồng chéo và tránh được sự thiếu hợp tác giữa các bộ ngành. Hơn thế nữa, cần thay đổi tư tưởng coi trọng phát triển kinh tế lấy tăng trưởng GDP bằng mọi giá mà không xem xét đến các hậu quả về môi trường”.



Tiến sỹ Nguyễn Quang Vinh, phó trưởng khoa du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội: “Các vùng nước mặt là tài sản vô giá đối với

ngành du lịch Việt Nam. Hoạt động du lịch của Việt Nam gắn liền với sông nước, hồ, vùng đất ngập nước. Do đó, ô nhiễm tại các vùng nước đó sẽ gây thiệt hại không đếm được cho ngành du lịch gồm hoạt động khách sạn, vận chuyển, giải trí. Nhưng bên cạnh đó, ngành du lịch nếu không được quản lý chặt chẽ cùng sẽ trở thành một nguồn gây ô nhiễm cho các vùng nước mặt đó. Các doanh nghiệp làm du lịch tại Việt Nam cần phải nhận thức được vấn đề này và nâng cao ý thức bảo vệ chất lượng các nguồn nước. Sự tham gia của cộng đồng trong kiểm soát ô nhiễm nước đóng vai trò quan trọng và quyết định. Sự hợp tác giữa doanh nghiệp và người dân địa phương trong bảo vệ các nguồn nước mặt phục vụ du lịch tại BaLi, Indonesia là một minh chứng thành công cho điều đó”.



Nguyên phó tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Bộ NN&PTNT, ông Phạm Anh Tuấn: “Chất lượng môi trường nước mặt là yếu tố quyết định

đến sự sống còn của ngành thủy sản. Điều đó càng được minh chứng bằng những thiệt hại không thể đếm được cho ngành thủy sản Việt Nam do ô nhiễm nước trong những tháng đầu năm 2016 tại một số tỉnh miền Trung. Chính vì thế, các giải pháp về mặt chính sách liên quan đến kiểm soát ô nhiễm nước cần phải được xây dựng kịp thời, phù hợp và khả thi đặc biệt là các khía cạnh về tiêu chuẩn xả thải, giám sát xả thải và xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm. Muốn kiểm soát xả thải cần thông tin về hệ thống xử lý và cần có công nghệ xử lý nước thải phù hợp, hiệu quả và kinh tế”.



Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng, bà Nguyễn Ngọc Lý: “Không có nước sạch thì không có sự sống. Vai trò thiết yếu của nước sạch

đã được nhìn nhận ở mức toàn cầu khi 2 trong số 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hiệp Quốc đề cập đến nước sạch và cuộc sống dưới nước. Chỉ có nước mặt (sông, ao hồ, biển,...) mới tồn tại sự sống của thủy sinh vật, mới có hệ sinh thái là thành phần không thể tách rời của sự sống. Thực tế tình trạng ô nhiễm các vùng nước mặt vẫn diễn ra trầm trọng ở nhiều nơi trên thế giới và trầm trọng hơn ở những quốc gia đang và kém phát triển như Việt Nam do còn thiếu cả về nguồn lực, nhân lực và trình độ khoa học công nghệ”.

Buổi Tọa đàm với 4 bài báo cáo, 14 ý kiến phát biểu đã nêu rõ hiện trạng ô nhiễm nước mặt của Việt Nam hiện nay và những thiệt hại do ô nhiễm nước gây ra có tầm hủy diệt, ảnh hưởng nặng nề cho phát triển kinh tế và sinh kế của người dân. Tọa đàm cũng đã đưa ra những bất cập trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nước và sự cần thiết phải nghiên cứu và đưa ra Luật Kiểm soát ô nhiễm nước với tính thực thi cao, đảm bảo ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm nước đang gia tăng ở Việt Nam hiện nay.



CÔNG ĐỒNG VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NƯỚC

Ảnh : CECR

Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước do sơ chế cà phê tại vùng đầu nguồn cấp nước sinh hoạt cho thành phố Sơn La - cần giải pháp mang tính tổng hợp

Th.s Nguyễn Tiến Chính
Giảng viên Đại học Tây Bắc

Lưu vực suối đầu nguồn cấp nước sinh hoạt cho thành phố Sơn La có diện tích khoảng 102,15 km², toàn bộ lượng nước của lưu vực này dẫn vào hang Tát Tòng thuộc địa phận phường Chiềng An, thành phố Sơn La – nơi Công ty cổ phần Nước sạch Sơn La khai thác để cung cấp nước sinh hoạt cho khoảng 13.000 hộ gia đình. Vùng đầu nguồn này cũng là vùng đã và đang phát triển cây cà phê của Sơn La.

Có thể nói chính sách trồng cây cà phê của tỉnh Sơn La trong những năm qua đã đem lại rất nhiều bước tiến xóa đói giảm nghèo cho người dân nơi đây. Nhưng với việc diện tích cà phê ngày càng mở rộng, các cơ sở trước đây chỉ thu mua cà phê rồi xuất khẩu chuyển sang tự sơ chế, đồng thời ngày càng có nhiều hơn các hộ gia đình trước đây chỉ đơn thuần trồng, thu hoạch rồi bán cũng chuyển sang tự sơ chế cà phê, đã đặt ra bài toán môi trường rất thách thức cho thành phố Sơn La.

Gần như 100% các cơ sở sơ chế cà phê, và các hộ gia đình ở vùng này sơ chế cà phê bằng phương pháp ướt và hoàn toàn chưa có bất kể một hệ thống xử lý nước thải nào. Toàn bộ nước thải và chất thải sơ chế cà phê được chứa vào các ao đất tự đào, mỗi khi mưa xuống nước thải sẽ kéo xuống hệ thống suối kể trên.

Trên thực tế ô nhiễm do nước thải sơ chế cà phê đã

gây ảnh hưởng tới đời sống của những người dân thuộc vùng hạ lưu (cụ thể là thành phố Sơn La). Trong những năm gần đây, Công ty cấp nước Sơn La thường xuyên bị tạm dừng hoạt động do tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm dẫn đến tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho người dân thành phố Sơn La. Vấn đề môi trường này đã được sự quan tâm của rất nhiều các cơ quan truyền thông như: Đài truyền hình Việt Nam, Tạp chí Môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường, Báo Nhân dân... Trước thực tiễn đó, các cơ quan chức năng và người dân địa phương đã có giải pháp bước đầu để kiểm soát nguồn ô nhiễm như: tăng cường kiểm tra các cơ sở sơ chế cà phê, các hộ gia đình tự sơ chế, tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường, tiến hành quan trắc môi trường nước mặt tại vị trí hang Tát Tòng. Một số cơ sở sản xuất, hộ gia đình bước đầu đã nhận thức được ảnh hưởng của quá trình sơ chế cà phê đối với môi trường bằng cách đào ao, hố để chứa đựng chất thải, nước thải, sử dụng vỏ cà phê làm phân ủ, kiểm soát nước thải cà phê. Tuy nhiên, vẫn chưa hạn chế được tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực này do thiếu công nghệ xử lý chất thải, nước thải. Trước thực tiễn đó, chính quyền địa phương đã có những văn bản chỉ đạo các cơ quan liên quan trong việc tìm kiếm

các giải pháp bảo vệ nguồn nước cung cấp cho thành phố Sơn La. Cụ thể:

- Ngày 07 tháng 09 năm 2015 UBND tỉnh Sơn La có công văn số 2547/UBND-KTN cho phép lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách về môi trường trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có vấn đề ô nhiễm nguồn nước hang Tát Tòng, Tp Sơn La.
- Ngày 08 tháng 03 năm 2016 Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La ra Quyết định số 521/QĐ-UBND của về Phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2016. Trong đó, có đề tài: **“Thực trạng và giải pháp bảo vệ nguồn nước sinh hoạt cung cấp cho Tp Sơn La”**.
- UBND thành phố Sơn La đang tích cực xây dựng đề án bảo vệ vùng đầu nguồn hang Tát Tòng bằng việc trồng cây ăn quả có tán tạo thu nhập cho người dân và hạn chế xói mòn.

Tuy nhiên, để giải quyết được vấn đề này, cần giải pháp mang tính tổng hợp gồm: quy hoạch, chính sách, công nghệ, truyền thông, cộng đồng cần được nghiên cứu và ứng dụng trong thời gian tới. Trong đó, cần chú trọng nghiên cứu hệ thống xử lý nước thải sơ chế cà phê cho quy hộ gia đình, doanh nghiệp.



Nước thải và chất thải sơ chế cà phê thải thẳng ra môi trường không qua xử lý
Ảnh: CECR



Một góc hồ Tứ Liên, Hà Nội
Ảnh: CECR

Dự án “Phát triển mô hình cộng đồng tham gia giám sát ô nhiễm nước mặt Hà Nội: Thí điểm tại quận Nam Từ Liêm”

Trần Thị Dung

Trung tâm Môi trường và Phát triển Cộng đồng

Quận Nam Từ Liêm được thành lập theo Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/4/2014. Quận gồm 10 phường: Cầu Diễn, Mễ Trì, Mỹ Đình I, Mỹ Đình II, Phú Đô, Tây Mỗ, Đại Mỗ, Trung Văn, Xuân Phương và Phương Canh với tổng dân số là 232.894 người.

Quận Nam Từ Liêm là quận điển hình của thành phố về số lượng và diện tích các ao, hồ, kênh mương. Trên địa bàn Quận có hai hệ thống sông lớn chảy qua là sông Nhuệ và sông Cầu Ngà, ngoài ra còn có khoảng 47 ao, hồ lớn nhỏ có chức năng tiêu thoát nước và phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp.

Hiện tại, chất lượng nước tại sông Nhuệ và sông Cầu Ngà đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, và hầu hết nước tại các ao, hồ, kênh mương trên địa bàn Quận đều đã bị ô nhiễm hoặc đang có dấu hiệu bị ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của dân cư, nước thải từ hoạt động sản xuất công

nghiệp, làng nghề và rác thải.

Là Quận mới được thành lập nên vấn đề quản lý môi trường còn nhiều bất cập, tuy nhiên, chính quyền địa phương đang quyết tâm đưa Quận trở thành mô hình điển hình về môi trường của thành phố với việc xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường từ phía cộng đồng.

Việc xây dựng các mô hình cộng đồng tham gia giám sát ô nhiễm nước mặt có sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý môi trường cấp Quận sẽ giúp giải quyết thực trạng khó khăn trong kiểm soát ô nhiễm nước tại quận Nam Từ Liêm và góp phần cụ thể hóa chính sách về giám sát cộng đồng đã được Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 quy định.



Ảnh Trần Thị Dung/ CECOD

Rừng ngập mặn xã Cẩm Thanh, TP. Hội An là một vùng đệm sinh thái đặc biệt, có vai trò như một bộ lọc sinh học, giảm thiểu các chất thải gây ô nhiễm nước từ nội địa. Tuy nhiên, vùng đệm này đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và được thành phố Hội An quan tâm trong đề án “Xây dựng Hội An thành Thành phố sinh thái” vào năm 2030. Ô nhiễm nước ở xã Cẩm Thanh, TP. Hội An không phải là nguồn ô nhiễm nghiêm trọng từ các hoạt động công nghiệp mà là nguồn ô nhiễm chịu tác động bởi nhiều ngành khác nhau như chất thải từ các nhà hàng, homestay, nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp. Hiện nay, rừng ngập mặn đang đối mặt với nguy cơ bị thu hẹp diện tích và bị ô nhiễm do tác động của việc mở đường xây dựng cầu cửa Đại và nhà máy xử lý nước thải toàn TP. Hội An tại Cẩm Thanh. Kiểm soát ô nhiễm nước tại rừng ngập mặn xã Cẩm Thanh, TP. Hội An không phải mang tính chất “chữa bệnh” mà là “ngăn ngừa” và “kiểm soát” các vấn đề ô nhiễm.

Năm 2015, dưới sự hỗ trợ của Liên minh Nước sạch, mô hình “*Giám sát ô nhiễm nước dựa vào cộng đồng tại xã Cẩm Thanh, TP. Hội An*” đã được xây dựng. Qua triển khai thực hiện mô hình đã hình thành các nhóm cộng đồng nuôi trồng thủy sản - một trong những đối tượng gây ô nhiễm nước - đã tận dụng ưu thế của mình để giám sát lại chất lượng nguồn nước tại xã và bảo vệ môi trường nước Cẩm Thanh. Mô hình này có sự tham gia tích cực giữa cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương trong công tác quản lý môi trường nước. Tuy nhiên, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, giám sát và kiểm soát ô nhiễm thì việc hình thành một hương ước được xây dựng từ sự đồng thuận của cộng đồng và quản lý bởi pháp luật Nhà nước là điều vô cùng cần thiết, đặc biệt là ở những nơi có tính cộng đồng cao.

Trong thời gian đến, Danang Riverwatch dưới sự hỗ trợ của Liên minh Nước sạch sẽ phối hợp với chính quyền xã Cẩm Thanh và cộng đồng tiếp tục triển khai chương trình giám sát chất lượng môi trường nước, tạo cơ sở dữ liệu xây dựng bản đồ chất lượng môi trường nước mặt - làm công cụ tuyên truyền trực quan sinh động đến cộng đồng và là công cụ hiệu quả phục vụ



Danang Riverwatch

Mô hình cộng đồng giám sát chất lượng môi trường nước tại rừng ngập mặn xã Cẩm Thanh

Danang Riverwatch

công tác quản lý môi trường địa phương. Bên cạnh đó, một Hương ước “Kiểm soát ô nhiễm nước tại rừng ngập mặn xã Cẩm Thanh” sẽ được xây dựng trên địa bàn 3 thôn, phối hợp sự tham gia của nhiều bên. Hương ước sẽ là cầu nối liên kết các nhóm cộng đồng lại; cộng đồng là lực lượng chủ chốt giám sát chất lượng và bảo vệ môi trường nước tại Cẩm Thanh.



Hưởng ứng ngày Trái đất 2016: “Nguồn nước sạch, kinh tế mạnh”

Đặng Thùy Trang, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng

Việt Nam với nguồn nước mặt dồi dào bao gồm khoảng 3.450 sông, suối dài trên 10 km và hàng nghìn hồ, ao, đất ngập nước, hiện đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm nước trầm trọng. Chương trình thường niên Ngày Trái đất ở Việt Nam được tổ chức nhằm thúc đẩy sự tham gia của các bên trong công tác kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm nước, từng bước thay đổi xu hướng ô nhiễm từ nặng sang ít ô nhiễm và sạch hơn.

Chương trình Ngày Trái đất 2016 được tổ chức vào sáng ngày 23/4/2016 tại công viên Bách Thảo – Hà Nội do Tổng cục Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR), Liên minh Nước sạch, Câu lạc bộ Hồ Hà Nội tổ chức với thông điệp **“Nguồn nước sạch, kinh tế mạnh”**. Đồng tham gia tổ chức sự kiện còn có các doanh nghiệp: Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Công ty TNHH Lock&Lock Việt Nam, Công ty New Quantum Việt Nam.

Với các hoạt động ý nghĩa như đạp xe vì hồ Hà Nội, làm sạch hồ và khuôn viên công viên Bách Thảo, đổi rác lấy cây và các sản phẩm thân thiện với môi trường, các trò chơi nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường.... Chương trình đã thu hút được sự tham gia của gần 1.000 tình nguyện viên đến từ các doanh

nh nghiệp, các hội đoàn thể, tổ chức khoa học kỹ thuật, thanh niên sinh viên từ các trường đại học tại Hà Nội.

Phát biểu nhân Ngày Trái đất năm 2016, ông Hoàng Văn Thúc – Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường nói: *“Sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ, giám sát môi trường nói chung và bảo vệ nguồn nước nói riêng là rất quan trọng. Điều này đã được thể chế hóa trong Luật Bảo vệ Môi trường. Sự kiện Ngày Trái đất sẽ đóng góp vào việc nâng cao nhận thức và thúc đẩy sáng kiến của cộng đồng, rất có ý nghĩa và nên được nhân rộng.”*

Với tư cách là một đơn vị thường niên đứng ra tổ chức sự kiện hưởng ứng Ngày Trái đất, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ nguồn nước tại Việt Nam đặc biệt là hồ Hà Nội, Bà Nguyễn Ngọc Lý, giám đốc CECR chia sẻ: *“Chúng tôi mong sự kiện Ngày Trái đất sẽ nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng của nguồn nước sạch như một tài sản đối với sự phát triển kinh tế của cả nước ta. Để giúp nguồn nước thoát khỏi ô nhiễm, từng bước cải thiện chất lượng, sao cho con em chúng ta bơi lội mà không lo bị nhiễm bệnh, ăn cá mà không lo bị ngộ độc, và các loài thủy sinh có thể phát triển tự nhiên. Để làm được điều đó cần phải có sự đồng hành của các bên như*

doanh nghiệp, cộng đồng, báo chí và sự lãnh đạo quyết liệt của nhà nước”.

Hưởng ứng Ngày Trái đất năm nay, CECR, Liên minh Nước sạch và Câu lạc bộ Hồ Hà Nội cũng đã phát động cuộc thi sáng tác những tác phẩm với chủ đề nói hộ sông hồ Việt Nam, đến phát biểu tại sự kiện và chia sẻ về cuộc thi này, ông Trương Mạnh Tiến – Chủ tịch CLB Hồ Hà Nội đã nói rằng *“Cuộc thi có nhiều bài dự thi chất lượng cao, giàu tính nhân văn, chân thực và sáng tạo. Các tác phẩm văn học tạo cho người đọc nhiều cảm xúc bởi cách diễn đạt hết sức mộc mạc, chân thành, xuất phát từ tâm tư, tình cảm của các tác giả khi đứng trước thực trạng ô nhiễm nước nghiêm trọng, trước tiếng kêu đau thương đến xé lòng của sông hồ Việt Nam hiện nay. Nhiều bài viết được trình bày khá đẹp, có những bài thi được viết tay hết sức công phu. Các bài thi thuộc thể loại video và tranh vẽ rất giàu hình ảnh và màu sắc tươi sáng, với nhiều cách thể hiện sáng tạo khác nhau, nhưng đều gửi gắm những thông điệp bảo vệ môi trường nói chung và nguồn nước nói riêng”.*

Hưởng ứng Ngày Trái Đất năm nay, tại nhiều địa phương trên địa bàn Hà Nội cũng đã tổ chức các hoạt động thiết thực như: ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải, rác thải, giải quyết những vấn đề môi trường bức xúc, tồn đọng trên địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh mương, ao hồ, hệ thống thoát nước.

Chính quyền và người dân phường Tân Phước Khánh chung tay khôi phục dòng suối thân Bung Cù

Huỳnh Thị Chính, chủ tịch UBND phường Tân Phước Khánh

Suối Bung Cù là một con suối nhỏ đổ ra sông Đồng Nai. Chỉ với chiều dài hơn 4km nhưng con suối này phải tiếp nhận nước thải của hơn 100 doanh nghiệp và gần 1.600 nhà trọ nằm trên địa bàn huyện Tân Uyên và thị xã Thuận An với lưu lượng nước thải khoảng 15.000m³/ngày đêm. Gần như 100% nước thải ra suối đều chưa qua xử lý khiến suối ô nhiễm rất nặng.

Ô nhiễm suối Bung Cù được xem là một điểm “nóng” về môi trường của tỉnh Bình Dương, và đã được báo chí nhắc đến từ cuối thập niên 90, đến nay đã gần 20 năm trôi qua việc ô nhiễm vẫn tiếp tục chưa được giải quyết thậm chí ngày càng ô nhiễm và suối ngày càng bị thu hẹp về diện tích và nông hơn rất nhiều.

Nhằm góp phần khôi phục dòng suối này, năm 2016 UBND phường Tân Phước Khánh đã đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được mục đích trên. Cụ thể như lập bản đồ nguồn thải, tập huấn kỹ năng giám sát ô nhiễm cho người dân, triển khai hoạt động nạo vét rác thải, khơi thông dòng chảy các đoạn suối bị tắc nghẽn nghiêm trọng, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, xây dựng các kế hoạch thu gom rác thải.

Hoạt động đầu tiên được triển khai là sáng ngày 24/4/2016, UBND phường Tân Phước Khánh tổ chức lễ phát động và khai thông suối Bung cù trên địa bàn phường. Tham gia nạo vét suối Bung Cù có gần 300 thành viên là bộ đội thuộc trung đoàn 141, tiểu đoàn 16, tiểu đoàn tên lửa, các ban ngành, đoàn thể, đoàn viên thanh niên trên địa bàn phường. Tiếp tục các hoạt động trong kế hoạch đã đề ra ngày 2/10/2016 chính quyền và cộng đồng phường Tân Phước Khánh tiếp tục tổ chức hoạt động khơi thông thêm các đoạn suối bị tắc nghẽn. Việc thường xuyên tổ chức hoạt động khơi thông nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng trong khu vực về việc khôi phục và bảo vệ suối Bung Cù, xa hơn có thể tiến tới kiểm soát các nguồn thải ra suối để một ngày nào đó trong tương lai dòng suối thân Bung Cù lại có thể trong xanh trở lại.



Bộ đội tham gia khơi thông suối Bung Cù
Đinh Thu Hằng/CECR

CẬP NHẬT TIN TỨC

Điểm tin ô nhiễm: Tình hình ô nhiễm nước tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2016

Nguyễn Đăng Phúc,
Trung tâm Nghiên cứu Môi trường
và Cộng đồng

Từ tháng 1 đến đầu tháng 7 năm nay, Việt Nam đã xảy ra rất nhiều vụ ô nhiễm nước, thu hút nhiều sự quan tâm của truyền thông. Tiến hành thống kê các bài báo về tình hình ô nhiễm nước trên mục điểm tin môi trường hàng ngày của website Tổng cục Môi trường và môi số báo lớn như Dân trí, Vietnamnet, VnEpress, Tuổi trẻ, Lao động..... tổng cộng có khoảng

600 bài báo viết về thực trạng ô nhiễm nguồn nước. Các bài báo tập trung vào đưa tin diễn biến các vụ cá chết lớn cụ thể là thảm họa cá chết tại 4 tỉnh miền Trung do nước thải của Formosa, vụ cá chết trên sông Bưởi, vụ cá chết trên sông La Ngà, cá chết trên sông Chà Và(Hình 3). Nội dung thông tin mà báo chí phản ánh bao gồm hiện trạng cá chết, thiệt hại, nguyên nhân và xử lý vụ việc.



Sơ đồ các điểm ô nhiễm nước trong 6 tháng 2016

DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN CHÍNH SÁCH MỚI LIÊN QUAN TỚI KIỂM SOÁT NƯỚC TỪ THÁNG 1 - THÁNG 8 NĂM 2016 Ô NHIỄM NƯỚC

Quyết định 3509 /QĐ-BTNMT ngày 30/12/2015 Phê duyệt Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường năm 2016

Quyết định 3507/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2015 Phê duyệt Kế hoạch Rà soát, kiểm tra, xử lý hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường năm 2016

Quyết định 3508/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2015 Phê duyệt Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường và Theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2016

Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế liên Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế.

Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 12/1/2016 Về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Nghị định 12/2016/NĐ-CP ngày 19/2/2016 Về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Thông tư số 04/2016/TT-BTNMT ngày 29/4/2016 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (QCVN 62 - MT : 2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi)

Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

Thông tư Số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016 về Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Nghị định 115/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 sửa đổi Nghị định 163/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp do Chính phủ ban hành

GÓC TẠO CH

Nước mắt là bạn mạnh dạn cứu mau

Tác phẩm đạt giải A cuộc thi Nói hộ sông hồ Việt Nam

Tác giả: Đỗ Văn Sỹ

Tôi yêu đất nước Việt Nam
Yêu từ vóc dáng, tâm can con người
Yêu cả những câu chuyện cười
Yêu tình hiếu nghĩa, vui tươi với đời
Nhưng sao lòng thấy chơ vơ
Hay vì quá khứ tuyệt vời hơn nay
Lòng người giờ đã đổi thay
Ý thức đi xuống, đấng cay môi trường
Từ mặt nước đến mặt đường
Tài nguyên xâm hại, thấy thương đất trời
Bây giờ ô nhiễm lắm rồi
Đi đâu cũng thấy bồi hồi lo âu
Ngay cả đến việc đi câu
Nhìn hồ cảm nhận buồn rầu xót xa
Ô nhiễm mặt nước bao la
Con người trực tiếp gây ra điều này
Chỉ cần chưa đến một ngày
Hàng trăm thùng rác đổ đầy ra sông
Còn có nhiều điều bất công
Hóa chất, kim loại, ni lông, trôi hồ
Làm cho người dân mơ hồ
Truy ra mới biết ý đồ sâu xa
Vi tiền họ đã bỏ qua
Xưởng công, nhà máy điều toa làm xàm
Trống rỗng có việc bất an
Làm cho dân chúng, thoại đàm lo âu
Là việc phun thuốc trừ sâu
Phun ra khắp chốn, mương sâu ngoài đồng
Nếu là con cháu Lạc Hồng
Mau mau tìm cách, cứu Rừng chừa Tiên
Cố lên nào các thanh niên
Mau mau tìm cách bình yên môi trường

Biện pháp:
Không có cách, không phải vì ta không có cách
Nhiều cách chẳng lâu chỉ sợ lười
Quan trọng ý thức con người
Tinh thần tự giác làm nhiều điều hay
Làm người phải đứng chữ “ Ngay”
Giúp dân, cứu nước, giữ ngay môi trường
Tinh thần, vững chãi, kiên cường
Sống ngay làm sạch đường đường thải ra
Thải ra, nước đã trung hòa
Cá tôm sống được, cỏ hoa vui cười
Chẳng chín thì cũng phải mườì
Biển vàng khoan lấp dầu tươi chẳng bừa
Rác thải công nghiệp dư thừa
Tận dụng triệt để không đưa ra ngoài
Không dùng dùng hại muôn loài
Thu gom xử lí phân loại thải hồi
Tiếp đó là sự chuyển dời
Xưởng công, xí nghiệp tạm thời đi xa
Sinh hoạt là chuyện nhà nhà
Rác bỏ đúng chỗ đừng sà ra sông
Trống rỗng là chuyện nhà nông
Giữ sạch thực phẩm bờ sông kênh ngòi
Phun thuốc cũng vừa đủ thôi
Đúng nơi đúng chỗ dẫn bồi chế sinh(chế phẩm sinh học)
Một môi trường nước yên bình
Đòi hỏi tất cả nhiệt tình chung tay
Trung ương chuyên trách làm ngay
Anh em bác chú phụ xây tuyên truyền
Nước không là chuyện hảo huyền
Ảnh hưởng trực tiếp đến quyền sinh sôi
Càng viết cháu càng bồi hồi
Nhớ yêu dòng nước tuyệt vời ngày xưa
Uống được trực tiếp nước mưa
Tắm sông bên cạnh hàng dừa nên thơ
Kinh tế giờ tiến như mơ
Cố giữ bền vững tuổi thơ mỗi người
Để đời vẫn mãi vui cười
Thiên nhiên là bạn là người mến thương
Chẳng những sông ngòi kênh mương
Đất đai không khí đồi nương rừng già
Biển bạc đồng xanh hài hòa
Cần được bảo vệ là hoa ngời trời
Bình an cho khắp mọi nơi
Trong lành sạch đẹp là đời an vui